

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ - ST
Ngày 11 - 9 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh
2. Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 11/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST- HNGĐ ngày 15/6/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Vũ Diệu Th; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Đự, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Phạm Thế C; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Th vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, trong bản tự khai ngày 18/6/2018 cũng như tại phiên tòa, chị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/10/2012. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận, đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên đi làm ăn xa nên không quan tâm đến gia đình và vợ con. Bản thân anh C đi làm nhưng không có tiền gửi về cho chị nuôi con và lo cho gia đình. Chán nản với cuộc sống như vậy, chị đã chuyển khẩu và về ở nhà bố mẹ đẻ từ năm 2016 đến nay, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Phạm Nhật L, sinh ngày 24/02/2013. Hiện nay cháu L đang ở với chị. Ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Thế C hai lần để làm bản tự khai, nhưng anh Cường vẫn không có mặt nên không có lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt. Do đó, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh C và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh C đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh C đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Vũ Diệu Th và anh Phạm Thế C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2012 tại UBND xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên đi làm ăn xa nên không quan tâm đến gia đình và vợ con. Vợ chồng xa nhau lâu ngày nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hạnh phúc không được trọn vẹn. Chính vì vậy mà chị Th đã chuyển khẩu và về ở nhà bố mẹ đẻ từ năm 2016 đến nay, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này đã được đại diện ban thôn 1 xã Thạch Long cũng như các cấp chính quyền xã Thành Thọ xác nhận. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Thúy được ly hôn anh C.

[3]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Phạm Nhật L, sinh ngày 24/02/2013. Ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, cháu L đang còn rất nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, bản thân cháu lại là con gái nên ở với mẹ sẽ là phù hợp hơn về mặt tình cảm và giới tính. Mặt khác, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu L

luôn ở với mẹ. Chính vì vậy, để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt cũng như học tập của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

[4]. Về tài sản: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Vũ Diệu Th được ly hôn anh Phạm Thế C.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Nhật L, sinh ngày 24/02/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Vũ Diệu Th chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002347 ngày 15/6/2018. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Th vắng mặt anh C. Chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thành Thọ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

